

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 200/2020/HS-ST

Ngày: 05/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Hòa

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2020/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HS ngày 06/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2020/QĐHPT-HS ngày 24/3/2020; Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 306/TB-TA ngày 21/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Xuân P (Tên gọi khác: không), sinh năm 1991, tại Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: xóm 3, xã KC, huyện KS, tỉnh NB; Nơi cư trú: 225C, tổ 8, khu phố LK1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Hoàng Văn K, sinh năm 1968, còn sống; Mẹ: Dương Thị H, sinh năm 1970, còn sống; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 257 ngày 16/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

2. Hoàng Văn P1 (Tên gọi khác: không), sinh năm 1995, tại Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: Xóm 3, xã KC, huyện KS, tỉnh NB; Nơi cư trú: 225C, tổ 8, khu phố LK1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Hoàng Văn K, sinh năm 1968, còn sống; Mẹ: Dương Thị H, sinh năm 1970, còn sống; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 08/7/2014, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 13 ngày tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 395/2014/HSST (Đã chấp hành xong bản án); Bị cáo bị bắt tạm giam 23/10/2019; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa; Bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Phan Trịnh Xuân C, sinh năm 1981; Địa chỉ: 17/1 khu phố 2, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Trọng T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố LĐ3, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 09 tháng 06 năm 2019, Hoàng Xuân P đang đi bộ trên đường Quốc Lộ 1A thì phát hiện trước nhà số 17/1, khu phố 2, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN (là địa chỉ nhà của ông Phan Trịnh Xuân C, sinh năm 1981), có đậu 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, không có ai trông coi, P đi đến gần chiếc xe mở cửa xe thì phát hiện có chìa khóa xe đang gắn trên ổ khóa nên P nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định trên, P mở cửa vào ngồi bên trong xe, nổ máy và điều khiển xe về nhà của P tại địa chỉ số 225C, tổ 8, khu phố LK1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN cất giấu. Trên đường về nhà, P kiểm tra trong hộp đựng đồ trên xe có để: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60N-9307; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 60N-9307 và 01 thẻ bảo hiểm xe ô tô biển số 60N-9307, số thẻ 0147553. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Hoàng Văn P1 (là em ruột của P) về nhà thấy chiếc xe ô tô trên nên đã hỏi P về nguồn gốc xe thì được P nói cho biết là xe ô tô trên do P trộm cắp mà có. Do đang cần tiền tiêu xài, P1 nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe trên nên P1 đã nói P đưa chìa khóa xe cho P1 thì được P đồng ý, sau đó P1 đã điều khiển chiếc xe trên mang đi cầm cố cho đối tượng tên B (không rõ họ tên thật và địa chỉ) với giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng B chỉ đưa trước cho P1 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và hẹn sẽ đưa thêm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sau. Sau khi cầm xe, không lấy thêm được số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trên nên P1 nhờ anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1988, ngụ tại khu phố LK1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN bán chiếc xe trên thì được anh Q đồng ý và giới thiệu cho ông Hồ Trọng T, sinh năm 1986, ngụ tại ấp LĐ3, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN mua với giá là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Quá trình mua bán, ông T đã đưa trực tiếp cho B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) gồm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) B đã đưa cho P1 trước đó và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi suất P1 phải trả cho B; còn lại số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) ông T trả trực tiếp cho P1, sau đó P1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông C tình cờ phát hiện được chiếc xe ô tô bị mất đang đậu trước nhà của ông T tại Khu phố LĐ3, phường TP, thành phố BH nên đã trình báo với Công an phường Tam Phước đến xử lý. Sau đó vụ việc được chuyển cho Công an thành phố Biên Hòa để điều tra, xử lý theo quy định.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676, kèm theo các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60N-9307; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 60N-9307 và 01 thẻ bảo hiểm xe ô tô biển số 60N-9307, số thẻ 0147553, là tài sản của ông Phan Trịnh Xuân C, Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại tài sản và giấy tờ cho ông C.

- 01 Giấy mua bán xe ô tô biển số 60N-9307, có chữ ký và ghi họ tên bên bán là Hoàng Văn P1, do ông T giao nộp, được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 261/TCKH-HĐĐG ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 40%, trị giá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng)”.

Về dân sự:

+ Người bị hại là ông Phan Trịnh Xuân C đã nhận lại chiếc xe ô tô, giấy tờ xe bị mất và không có yêu cầu bồi thường.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trọng T yêu cầu bị cáo Hoàng Văn P1 phải trả lại số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Hiện bị cáo P1 chưa bồi thường.

Đối với Đỗ Văn Q, Hồ Trọng T và đối tượng tên B: Tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện, quá trình cầm cố và mua bán chiếc xe ô tô trên, Q, T và B không biết nguồn gốc chiếc xe ô tô do bị cáo P trộm cắp được mà có; lời khai bị cáo P1 xác định khi mang xe ô tô đi cầm, bán thì P1 nói là xe của nhà. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với Q, T và B.

Đối với bà Dương Thị H (là mẹ ruột của các bị cáo P và P1), vào ngày 09 tháng 6 năm 2019, bà H có thấy bị cáo P sử dụng xe ô tô trên nhưng bà không biết chiếc xe trên do bị cáo P trộm cắp mà có được và không biết việc bị cáo P1 mang xe đi tiêu thụ nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Cáo trạng số: 107/CT-VKSBH ngày 13/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Hoàng Xuân P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173, bị cáo Hoàng Văn P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Hoàng Xuân P và Hoàng Văn P1 và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P1 mức án từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Buộc bị cáo Hoàng Văn P1 phải bồi thường thường thiệt hại cho ông Hồ Trọng T số tiền là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Hoàng Văn P1 kính xin HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án. Bị cáo Hoàng Xuân P không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn P1 và Hoàng Xuân P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đối chiếu lời khai của các bị cáo P, P1, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo P, P1, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 09 tháng 6 năm 2019 tại khu vực trước nhà số 17/1, khu phố 2, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN, Hoàng Xuân P đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676 của ông Phan Trịnh Xuân C, sau đó chạy xe về nhà bị cáo tại địa chỉ: 225C, tổ 8, khu phố LK1, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN cất giấu. Hoàng Văn P1 biết xe ô tô trên do anh ruột của mình là bị cáo Hoàng Xuân P trộm cắp mà có được (bị cáo P nói cho bị cáo P1 biết), nhưng do cần tiền tiêu xài nên P1 đã mang xe ô tô đi tiêu thụ thì bị phát hiện, điều tra xử lý. Theo bản kết luận định giá tài sản số: 261/TCKH-HĐĐG ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 40%, trị giá 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng)”.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Xuân P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; hành vi của bị cáo Hoàng Văn P1 đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Hoàng Xuân P: Bị cáo là người trực tiếp trộm cắp xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676, kèm theo các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60N-9307; 01

giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 60N-9307 và 01 thẻ bảo hiểm xe ô tô biển số 60N-9307, số thẻ 0147553 là tài sản của ông Phan Trịnh Xuân C để làm phương tiện đi lại nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

- Đối với bị cáo Hoàng Văn P1: Sau khi biết được chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307, số máy: Z03109, số khung: 31000676, kèm theo các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60N-9307; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 60N-9307 và 01 thẻ bảo hiểm xe ô tô biển số 60N-9307, số thẻ 0147553 do anh ruột của bị cáo là bị cáo Hoàng Xuân P trộm cắp mà có được (bị cáo P nói cho bị cáo P1 biết là xe trộm cắp), bị cáo không động viên anh mình mang tài sản đã trộm cắp nêu trên trả lại cho bị hại mà bị cáo lại mang tài sản trộm cắp trên đi cầm cố cho một người tên là B (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 20.000.000 đồng. Do không có tiền chuộc xe nhưng cần có tiền để tiêu xài nên bị cáo tiếp tục bán chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307 cho ông Hồ Trọng T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố LĐ3, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN được số tiền 33.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 08/7/2014, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 13 ngày tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 395/2014/HSST (Đã chấp hành xong bản án), bị cáo không soi bản án trên làm bài học cho bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- + Bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu.
- + Bị cáo P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- + Bị hại ông Phan Trịnh Xuân C tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo P và P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về nhân thân:

- + Bị cáo P có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.
- + Bị cáo P1 có nhân thân xấu. Ngày 08/7/2014, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 13 ngày tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 395/2014/HSST (Đã chấp hành xong bản án).

[6]. Về xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- + Tại phiên tòa, bị hại ông Phan Trịnh Xuân C cho rằng ông đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm ngày 09/6/2019 từ Cơ quan điều tra, không yêu cầu các bị cáo P, P1 bồi thường thiệt hại gì cho ông nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Theo đơn yêu cầu bồi thường có tại hồ sơ và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trọng T chỉ yêu cầu bị cáo Hoàng Văn P phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) mà ông đã bỏ ra mua chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu vàng, biển số 60N-9307 từ bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn P1 đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Hồ Trọng T số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Ý chí của bị cáo là tự nguyện nên ghi nhận. Buộc bị cáo P1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Tuấn số tiền trên.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo P1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.650.000 đồng.

[9]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hoàng Văn P1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 106, 135, 136, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Căn cứ các điểm c, d khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 106, 135, 136, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P1 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Hoàng Văn P1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Hồ Trọng T số tiền là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Hoàng Xuân P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Văn P1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng).

5. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại ông Phan Trịnh Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trọng T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Biên Hòa;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuấn